

Phân loại chữ Nôm và những điều cần chú ý

Nguyễn Đình Hiền*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 08 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 10 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 12 năm 2013

Tóm tắt: Chữ Nôm là sản phẩm giao thoa văn hóa Việt- Hán, có giá trị cao trong việc nghiên cứu ngôn ngữ Hán và ngôn ngữ Việt. Vấn đề phân loại chữ Nôm luôn thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu, song đến nay phương thức phân loại chữ Nôm của các học giả vẫn còn tồn tại một số vấn đề. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tổng kết, chỉ ra ưu khuyết điểm của mỗi cách phân loại, trên cơ sở đó đưa ra nguyên tắc phân loại và kết quả phân loại của mình, đồng thời chỉ ra những điểm cần chú ý khi phân loại chữ Nôm.

Từ khóa: Chữ Nôm, chữ Hán, thanh phù, hình phù, chữ Nôm mượn, chữ Nôm tự tạo.

1. Dẫn nhập

Chữ Nôm là loại hình chữ vuông của người Việt, được mượn từ chữ Hán hoặc được tạo ra trên cơ sở của chữ Hán và dùng để ghi chép tiếng Việt. Có rất nhiều kiểu phân loại chữ Nôm nhưng có thể quy về 4 kiểu chính là: (1) Căn cứ vào mặt âm và mặt ý của chữ Nôm, chia chữ Nôm thành 3 loại: chữ biểu ý, chữ biểu âm, chữ nửa biểu âm nửa biểu ý; (2) Do ảnh hưởng phân loại của chữ Hán, chia chữ Nôm thành: chữ giả tá, chữ hội ý, chữ hình thanh; (3) Trước tiên căn cứ vào mặt âm chia chữ Nôm thành chữ Nôm dựa âm và chữ Nôm không dựa âm, sau đó dựa vào mặt nghĩa và mặt hình mà chia chữ Nôm dựa âm và chữ Nôm không dựa âm thành những loại nhỏ hơn; (4) Căn cứ vào hình dạng

của chữ, chia chữ Nôm thành chữ Nôm mượn Hán và chữ Nôm tự tạo, sau đó căn cứ vào mặt âm và mặt nghĩa chia chữ Nôm mượn Hán và chữ Nôm tự tạo thành nhiều loại nhỏ. Bốn kiểu phân loại này đều có những ưu khuyết điểm riêng.

Văn Hựu [1] là đại diện của cách phân loại thứ nhất. Đại diện cho cách phân loại thứ hai là Chingho A. Chen (Trần Kinh Hòa) [2], Đào Duy Anh [3], Vương Lực [4] và một số học giả Trung Quốc khác. Ưu điểm của hai cách phân loại này là thể hiện được mối quan hệ gần gũi giữa chữ Nôm và chữ Hán. Chữ Nôm hình thành trên cơ sở của chữ Hán, do vậy phân loại chữ Nôm dựa vào những phương thức cấu tạo của chữ Hán là tương đối hợp lý và có cơ sở nhất định. Ngoài ra, cả hai cách phân loại này đều dùng những thuật ngữ có sẵn trong tiếng Hán, rất gần gũi và dễ tiếp nhận đối với những người biết tiếng Hán. Song cả hai cách phân

* ĐT.: 84-904244708

Email: hienac@yahoo.com

loại này đều có những khuyết điểm chung là: (1) Chưa phân biệt được những chữ Nôm mượn từ chữ Hán và những chữ Nôm tự tạo của người Việt Nam; (2) Chưa bao quát hết được tất cả những chữ Nôm hiện có, đây chính là điểm yếu lớn nhất của hai cách phân loại này.

Nguyễn Ngọc San [5] là đại diện của cách phân loại thứ ba. Trước tiên, ông dựa vào bộ phận biểu âm chia chữ Nôm thành chữ Nôm dựa âm và chữ Nôm không dựa âm. Chữ Nôm không dựa âm của Nguyễn Ngọc San tương đương với chữ hội ý của các cách phân loại khác, chữ hội ý của chữ Nôm có số lượng rất ít (Đào Duy Anh chỉ tìm được 6 chữ, Vương Lực tìm được 5 chữ, Nguyễn Tài Cẩn tìm được 8 chữ). Ưu điểm của cách phân loại này là tìm hiểu kết cấu của chữ Nôm từ chính bản thân chữ Nôm, đồng thời cũng thể hiện được tầm quan trọng của bộ phận biểu âm của chữ Nôm. Không cân bằng và không phân biệt được những chữ Nôm mượn từ chữ Hán và những chữ Nôm tự tạo của người Việt là điểm yếu của cách phân loại này.

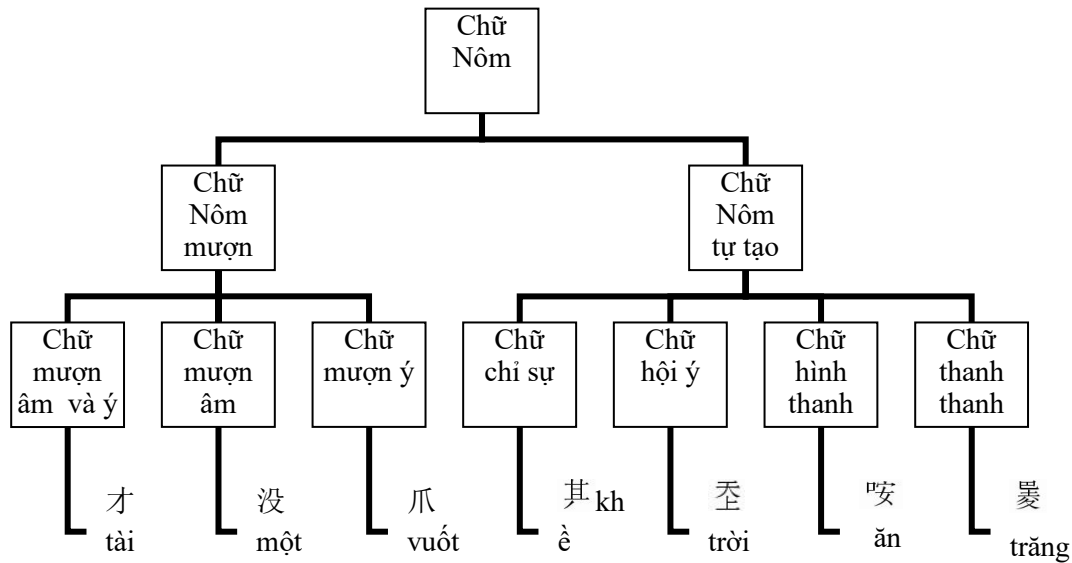
Nguyễn Tài Cẩn [6], Lê Văn Quán [7], Nguyễn Quang Hồng [8] là đại diện của cách phân loại thứ tư. Ưu điểm của cách phân loại này là có thể phân biệt được những chữ Nôm mượn từ chữ Hán và những chữ Nôm tự tạo mới, đồng thời xét về mặt hệ thống, cách phân loại này cũng rất cân bằng. Tầng lớp quá nhiều, mỗi loại không có tên gọi cụ thể và hợp lý là khuyết điểm của cách phân loại này. Nguyễn Tài Cẩn sử dụng phương pháp lưỡng phân, có tất cả 4 tầng lớp, Lê Văn Quán mặc dù không sử dụng phương pháp lưỡng phân song số tầng lớp cũng lên đến con số 3. Ngoài ra, Lê Văn Quán xếp chữ viết tắt vào cùng với chữ bớt nét, chữ thêm nét và gọi chung là những chữ thay đổi hình thể chữ Hán là không hợp lý (dưới đây chúng tôi sẽ bàn đến).

Ngoài ra, Trần Trọng Dương [9] mặc dù tiếp thu mô hình phân loại theo âm đọc của Nguyễn Ngọc San, nhưng dùng mô hình nhị phân của Nguyễn Tài Cẩn. Đây là một sự sáng tạo, song cách phân loại này vẫn nằm trong khuôn khổ của bốn cách phân loại trên.

2. Nguyên tắc và kết quả phân loại của bài viết

Để tiếp thu những thành quả và tránh những khuyết điểm của những người đi trước, trước khi phân loại, chúng tôi đưa ra nguyên tắc phân loại của mình: (1) Phải bảo đảm phân loại được tất cả các chữ Nôm; (2) Phân biệt được những chữ Nôm mượn từ chữ Hán và những chữ Nôm tự tạo mới của người Việt Nam; (3) Tầng lớp và chủng loại không nên quá nhiều, đồng thời cố gắng bảo đảm sự cân bằng giữa các tầng lớp và chủng loại; (4) Thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, tốt nhất sử dụng những thuật ngữ đã có, đồng thời tránh nhầm lẫn với những thuật ngữ của chữ Hán.

Căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, trước tiên chúng tôi dựa vào hình dạng chia chữ Nôm thành chữ Nôm mượn và chữ Nôm tự tạo. Chữ Nôm mượn là những chữ Nôm mượn trực tiếp từ chữ Hán, không có bất cứ thay đổi nào về hình dạng của chữ. Chữ Nôm tự tạo là những chữ Nôm được tạo mới dựa trên cơ sở của chữ Hán. Tiếp theo, chúng tôi dựa vào mặt âm và mặt nghĩa của chữ, chia chữ Nôm mượn thành ba loại: chữ mượn âm, chữ mượn ý, chữ mượn âm và ý. Căn cứ vào mặt âm, mặt ý và hình dạng của chữ, chúng tôi chia chữ Nôm tự tạo thành bốn loại: chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh và chữ thanh thanh. Như vậy, trong hệ thống phân loại của chúng tôi chỉ có hai tầng lớp, chữ Nôm được chia thành 2 loại lớn, 2 loại lớn này lại được chia làm 7 loại nhỏ, cụ thể như sau:



Chữ Nôm mượn là những chữ Nôm mượn trực tiếp từ chữ Hán và không có bất kỳ thay đổi nào về hình dạng của chữ (Đương nhiên điều này cũng chỉ là tương đối, bởi trong khi viết, để cho nhanh, người Việt ta thường bớt một số nét của chữ Hán). Chữ Nôm mượn được chia thành ba loại nhỏ là chữ mượn âm và ý, chữ mượn âm, chữ mượn ý. Chữ mượn âm và ý

là những chữ Nôm mượn cả hình dạng, mặt âm và mặt nghĩa của chữ Hán; chữ mượn âm là những chữ Nôm chỉ mượn hình dạng và âm đọc của chữ Hán chứ không mượn mặt nghĩa của chữ Hán; chữ mượn ý là những chữ Nôm chỉ mượn hình dạng và ý nghĩa của chữ Hán chứ không mượn âm đọc của chữ Hán, sau đây là một số ví dụ về chữ Nôm mượn:

Xuất xứ		Chữ	Âm đọc	Âm Hán Việt	Loại chữ
	Dòng 2	才	tài	tài	
	Dòng 48	車	xe	xa	Chữ mượn âm và ý
	Dòng 448	刀	dao	đao	
	Dòng 3	沒	một	một	
Truyện Kiều	Dòng 38	埃	ai	ai	Chữ mượn âm
	Dòng 11	固	có	cố	
	Dòng 156	鎖	khóa	tỏa	
	Dòng 240	腋	nách	dịch	Chữ mượn ý
	Dòng 1151	肩	vai	kiên, khiên ¹	

¹ Theo *Hán Việt từ điển giản yếu của Đào Duy Anh*, “肩” có hai âm HV là “kiên” và “khiên”.

Chữ Nôm mượn chiếm một tỉ lệ lớn trong tổng số chữ Nôm, trong đó chữ mượn âm và ý có số lượng lớn nhất, tiếp đến là chữ mượn âm, chữ mượn ý tương đối ít².

Chữ Nôm tự tạo là những chữ Nôm được người Việt tạo mới trên cơ sở của chữ Hán, bằng cách sử dụng các nguyên liệu của chữ Hán (các nét bút, thiên bàng và thậm chí là chữ Hán) và thông thường dựa theo các cách tạo chữ của chữ Hán. Chữ Nôm tự tạo được chia thành bốn loại: chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh và chữ thanh thanh.

Chữ Nôm chỉ sự là những chữ được tạo ra bằng cách thêm hoặc bớt các nét bút (thậm chí là bộ thủ) của chữ Hán. Việc thêm hoặc bớt các nét bút là để nhắc nhở người đọc rằng những chữ này không phải là chữ mượn của chữ Hán, không được đọc chúng theo âm Hán Việt, mà phải đọc chệch thành âm thuần Việt gần với âm Hán Việt đó. Điều này cho thấy tính chất của chúng cũng giống như chữ chỉ sự của tiếng Hán, chỉ có điều khác là chữ Nôm chỉ sự còn có chức năng biểu thị âm đọc trong khi chữ Hán chỉ sự không có. Chữ Nôm chỉ sự chủ yếu là những chữ thêm nét, chữ bớt nét tương đối ít (chữ bớt nét như hai chữ “其 其 khê khà”, âm đọc và ý nghĩa của chúng khác với chữ “其 kỳ” của tiếng Hán).

Chữ Nôm hội ý là những chữ Nôm được tạo nên từ việc ghép hai hoặc trên hai bộ phận biểu ý với nhau. Chữ Nôm hội ý có số lượng rất ít, Vương Lực [4] tìm được năm chữ, Nguyễn Tài Căn [6] tìm được tám chữ; Nguyễn Thị Lâm [10] cho biết trong *Thiên nam ngữ lục* có bốn chữ. Theo thống kê của chúng tôi, trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có bốn chữ, trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có bảy chữ loại này. Sở dĩ chữ Nôm hội ý có số lượng ít có thể là do chữ Nôm được hình thành trên cơ sở chữ Hán đã phát triển ở giai đoạn cao, phương thức

tạo chữ hình thanh ưu việt hơn hẳn so với chữ hội ý.

Chữ Nôm hình thanh là những chữ Nôm được tạo nên bằng cách kết hợp hai bộ phận hình phù và thanh phù với nhau. Trong đó, bộ phận hình phù biểu thị ý nghĩa của chữ, bộ phận thanh phù biểu thị âm đọc của chữ. Chữ hình thanh có số lượng lớn nhất trong các loại chữ Nôm tự tạo và trong tất cả các loại chữ Nôm, số lượng của chúng cũng chỉ đứng sau chữ Nôm mượn âm và ý. Số lượng chữ Nôm hình thanh cũng ngày càng tăng theo thời gian. Ở các tác phẩm thời kỳ đầu, khi chữ Nôm mới xuất hiện, loại chữ Nôm này không nhiều bằng số lượng của chúng trong các tác phẩm sau này.

Chữ thanh thanh là loại chữ đặc biệt của chữ Nôm, chúng do hai bộ phận biểu âm (thanh phù) hợp thành. Căn cứ vào quan hệ giữa các thanh phù, chữ thanh thanh có thể chia thành hai loại nhỏ: Loại 1, hai thanh phù có quan hệ bình đẳng, tức là chúng có thể biểu thị âm đọc của chữ một cách độc lập; Loại 2, hai thanh phù có quan hệ phụ thuộc vào nhau, mỗi một thanh phù chỉ biểu thị một phần âm đọc của chữ, chúng phải kết hợp với nhau mới có thể biểu thị âm đọc hoàn chỉnh của chữ. Trong hai loại chữ này, loại chữ thứ nhất rất ít, Nguyễn Tài Căn [6] lấy ví dụ ba chữ: “滯 giữ, 肥 và, 老了 lâu”. Loại chữ thứ hai dùng để ghi những âm đọc có phụ âm kép của tiếng Việt. Số lượng của loại chữ này nhiều hay ít có liên quan đến niên đại xuất hiện của các tác phẩm. Trong các tác phẩm xuất hiện sớm, loại chữ này nhiều hơn so với các tác phẩm sau này. Sở dĩ như vậy là do sự biến đổi ngữ âm của tiếng Việt, tiếng Việt cổ có rất nhiều phụ âm kép, song càng về sau này càng ít dần đi và trong tiếng Việt hiện đại ngày nay không còn nữa. Trong các tác phẩm sau này, các tác giả đã thay đổi nhiều chữ thanh thanh bằng các chữ loại khác (chủ yếu là hình thanh) để biểu đạt âm đọc của chúng một cách chính xác hơn. Sau đây là một số ví dụ về chữ Nôm tự tạo:

² Về số lượng cụ thể của mỗi loại chữ Nôm, chúng tôi sẽ trình bày trong một bài viết khác.

Xuất xứ	Chữ	Âm đọc	Âm Hán Việt	Loại chữ
Bài 1 chữ 44	庄	chăng	trang	
Bài 78 chữ 27	礼	trẻ	lễ	Chữ chỉ sự
Bài 61 chữ 15	午	ngõ	ngọ	
Bài 10 chữ 6	季	trời		Chữ hội ý
Quốc âm thi tập	哇	uổng		
Bài 1 chữ 11	𧄒	com		Chữ hình thanh
Bài 4 chữ 6	膈	tháng		
Bài 5 chữ 21	𧄒	ít		
Bài 44 chữ 23	𧄒	trái		
Bài 55 chữ 21	𧄒	sống		Chữ thanh thanh
Bài 128 chữ 47	𧄒	lời		

3. Những điều cần chú ý khi phân loại chữ Nôm

3.1. Phân biệt chữ Nôm tự tạo với chữ Nôm mượn

Chữ Nôm mượn là những chữ được mượn trực tiếp từ chữ Hán, còn chữ Nôm tự tạo là những chữ Nôm được người Việt tạo mới trên cơ sở của chữ Hán. Lẽ ra ranh giới của hai loại chữ này rất rõ ràng, song thực tế không phải vậy, khi chữ Nôm tự tạo có hình dạng hoàn toàn giống với chữ Nôm mượn thì rất khó xác định ranh giới của chúng. Sở dĩ có hiện tượng này là do hai nguyên nhân: (1) Do đặc điểm của chữ Hán. Chữ Hán là loại chữ vuông tượng

hình chứ không phải chữ ghi âm, số lượng chữ Hán rất lớn, không có một ai có thể biết hết được mọi chữ Hán. Do vậy khi tạo ra chữ Nôm, cho dù người Việt có ý tránh trùng lặp với chữ Hán đi chăng nữa, cũng không thể tránh được một số trường hợp chữ Nôm tự tạo mới có hình dạng giống với chữ Hán; (2) Do phương pháp và nguyên liệu cấu tạo chữ Nôm. Chữ Nôm được tạo ra bằng cách sử dụng các nguyên liệu của chữ Hán (các nét bút, thiên bàng và thậm chí là chữ Hán), và thông thường dựa theo các cách tạo chữ của chữ Hán. Sau đây là một số ví dụ về loại chữ Nôm này:

Xuất xứ	Chữ	Cách đọc	Cách tạo chữ	Nghĩa chữ Hán	
Truyện Kiều	Dòng 2	𧄒	ghét	从心, 吉声	sợ hãi ³
	Dòng 32	𧄒	ăn	从口, 安声	thán từ
	Dòng 295	𧄒	giơ	从手, 加声	lấy
	Dòng 334	𧄒	mẹ	从女, 美声	đẹp
	Dòng 629	𧄒	tờ	从人, 四声	yên tĩnh

³ Nghĩa chữ Hán chúng tôi căn cứ theo *Đại từ điển Hán ngữ hiện đại* của Thương vụ ấn thư quán. Nếu chữ có nhiều nét nghĩa chỉ liệt kê nét nghĩa đầu tiên.

Đây là những chữ Hán xa lạ và rất ít dùng, nghĩa của chúng không liên quan gì đến nghĩa của chữ Nôm, đồng thời cấu tạo của những chữ này hoàn toàn có thể giải thích được bằng các phương pháp cấu tạo của chữ Nôm. Do vậy, chúng tôi cho rằng nếu ở văn bản Hán, những chữ này là chữ Hán, còn nếu ở văn bản Nôm, chúng là những chữ Nôm tự tạo.

3.2. Phân biệt chữ dị thể với chữ chỉ sự

Lê Văn Quán [7] xếp tất cả các chữ bớt nét, thêm nét, chữ gia thêm một ký hiệu phụ vào cùng một loại và gọi chung là “những chữ thay đổi hình thể chữ Hán”. Chúng tôi cho rằng làm như vậy là không hợp lý bởi: (1) Trong chữ Nôm, tất cả những chữ Nôm tự tạo (chữ chỉ sự, chữ hình thanh, chữ hội ý, chữ thanh thanh) đều là những chữ thay đổi hình thể chữ Hán; (2) Có hai loại chữ bớt nét khác nhau: loại thứ nhất, bớt nét chỉ để viết cho nhanh; loại thứ hai, bớt nét để thay đổi âm đọc và ý nghĩa của chữ ban đầu. Loại thứ nhất chúng tôi gọi là chữ viết tắt, loại thứ hai chúng tôi xếp vào cùng với chữ thêm nét và gọi chung là chữ chỉ sự. Chữ viết tắt và chữ bớt nét chỉ sự khác nhau hoàn toàn về chất. Chữ viết tắt là những chữ được tạo ra, do

người viết để cho nhanh đã giảm bớt một số nét của chữ ban đầu. Chữ viết tắt và chữ không viết tắt ban đầu có âm đọc và ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, chúng có thể thay thế cho nhau. Trong khi đó, chữ bớt nét chỉ sự có âm đọc và ý nghĩa khác với chữ ban đầu, chúng không thay thế được cho nhau.

Chữ viết tắt là một phần của chữ dị thể. Chữ dị thể là những chữ có hình dạng khác nhau song biểu đạt ý nghĩa và có âm đọc giống nhau. Chữ dị thể ngoài chữ viết tắt ra, còn bao gồm những chữ thay đổi hình dạng do thay đổi vị trí các bộ của chữ, ví dụ chữ “ngồi” có các dị thể như “𪔵, 𪔶, 𪔷”.

3.3. Phân biệt chữ Nôm giả tá và chữ Nôm thường

Trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là những tác phẩm xuất hiện sau này, có hiện tượng sử dụng chữ Nôm giả tá. Chữ Nôm giả tá là kiểu chữ Nôm dùng những chữ Nôm tự tạo đã có sẵn để biểu thị những từ có âm đọc gần với chúng. Nói chính xác thì đây là cách sử dụng chữ chứ không phải là cách tạo ra chữ, vì vậy chúng tôi không đưa vào xếp loại, sau đây là một số ví dụ về loại chữ này:

Chữ Nôm thường		Chữ Nôm giả tá	
Chữ	Âm đọc	Chữ	Âm đọc
菴	bông	菴	buông
𪔵	ăn	𪔵	ưon
𪔶	nhớ	𪔶	nhờ
𪔷	mười	𪔷	mời
𪔸	em	𪔸	im

Số lượng chữ Nôm giả tá không nhiều, điều này là do điều kiện xuất hiện của chúng. Chữ Nôm giả tá mượn những chữ Nôm tự tạo đã có sẵn để biểu thị những từ mới, vì vậy điều kiện

xuất hiện của chúng là đã có những chữ Nôm tự tạo mà chúng mượn, đồng thời những chữ Nôm tự tạo này phải được sử dụng rộng rãi và được nhiều người biết đến.

3.4. Phân biệt phương thức cấu tạo chữ thanh thanh và phương thức phiên thiết

Lê Văn Quán [7] gọi chữ Nôm thanh thanh là chữ có hai thành tố thuần túy ghi âm Việt và cho rằng: “Trong đó, một thành tố ghi âm đầu và một thành tố ghi phần còn lại của âm tiết, theo lối phiên thiết của chữ Hán.”

Chúng tôi cho rằng quan điểm này không hoàn toàn chính xác. Phương thức cấu tạo chữ Nôm thanh thanh và phương thức phiên thiết của chữ Hán có những điểm giống và khác

nhau. Điểm giống nhau là cả hai phương thức này đều dùng hai chữ Hán (bộ thủ) để biểu thị âm đọc của một chữ. Ngoài ra, cả hai phương thức này đều chỉ sử dụng âm đầu (thanh mẫu) của chữ thứ nhất. Điểm khác nhau là phương thức phiên thiết chỉ sử dụng phần vần và thanh điệu của chữ còn lại, trong khi đó phương thức tạo chữ Nôm thanh thanh sử dụng cả âm đầu, phần vần và thanh mẫu của chữ còn lại. Điều này có thể thấy rõ qua bảng biểu dưới đây, trong đó C là phụ âm, V là nguyên âm (C và C' có thể có, có thể không):

Phương thức tạo chữ Nôm thanh thanh	Phương thức phiên thiết của chữ Hán
$C_1V_1C_1' + C_2V_2C_2' = C_1C_2V_2C_2'$	$C_1V_1C_1' + C_2V_2C_2' = C_1V_2C_2'$
巴 b (a) + 交 lǎng = 𠵹 blǎng	都 đ (ô) + 郎 (l)ang = 当 đang

3.5. Những điểm cần chú ý khi phân loại nhỏ hơn

Chúng tôi chia chữ Nôm thành hai loại lớn, hai loại lớn này lại được chia thành bảy loại nhỏ. Từ bảy loại nhỏ này, tùy theo mục đích khác nhau mà chúng ta có thể chia chúng thành những loại nhỏ hơn, song cần để ý đến số lượng, tiêu chí phân loại và tên gọi của chúng.

Chữ mượn ý và chữ hội ý có số lượng rất ít, do vậy theo chúng tôi, không cần thiết phải phân loại nhỏ hơn. Chữ chỉ sự và chữ thanh thanh mặc dù có số lượng không nhiều, song do đặc điểm khác nhau của những bộ phận cấu tạo nên chúng, mỗi loại có thể chia làm hai loại nhỏ. Chữ chỉ sự được chia thành chữ bớt nét và chữ thêm nét. Chữ thanh thanh được chia thành chữ do hai thanh phù có quan hệ độc lập và chữ do hai thanh phù có quan hệ phụ thuộc cấu tạo nên.

Đối với chữ mượn âm và ý và chữ mượn âm, chúng ta có thể căn cứ vào âm đọc của chúng để chia thành những loại nhỏ hơn. Chữ mượn âm và ý có thể chia thành chữ mượn âm và ý có âm đọc Hán Việt (才 tài, 命 mệnh), chữ

mượn âm và ý có âm đọc cổ Hán Việt (車 xe, 邊 bên) và chữ mượn âm và ý có âm đọc Hán Việt Việt hóa (本 vốn, 刀 dao). Để cân bằng về mặt số lượng, cũng có thể chỉ chia chữ mượn âm và ý thành chữ mượn âm và ý có âm đọc Hán Việt và chữ mượn âm và ý có âm đọc phi Hán Việt. Với chữ Nôm mượn âm, chúng ta có thể chia thành chữ mượn âm có âm đọc Hán Việt (沒 một, 埃 ai) và chữ mượn âm có âm đọc phi Hán Việt (謨 mua, 固 có). Âm đọc phi Hán Việt ở đây có thể là âm đọc cổ Hán Việt, âm đọc Hán Việt Việt hóa hay chỉ là âm đọc thuần Việt gần với âm Hán Việt của chữ Hán đó.

Chữ hình thanh do hình phù và thanh phù cấu tạo nên, hơn nữa số lượng của chúng rất lớn, vì vậy việc phân loại nhỏ tương đối phức tạp. Chúng ta có thể căn cứ vào thanh phù hoặc hình phù để phân loại. Dựa vào thanh phù có thể chia thành chữ hình thanh có thanh phù là chữ Hán và chữ hình thanh có thanh phù là chữ Nôm. Loại thứ nhất rất nhiều, loại thứ hai có số lượng tương đối ít, sau đây là một số ví dụ về loại thứ hai:

Truyện Kiều	Chữ Nôm	Âm đọc	Thanh phù	Âm đọc của thanh phù
Dòng 84	啞	lời	𠵹	trời
Dòng 136	攏	buông	蕪	bông
Dòng 764	𠵹	nở	𠵹	nở
Dòng 2038	𠵹	mời	𠵹	mười
Dòng 318	旌	vuông	葦	bông
Dòng 2576	癩	thơ	𠵹	thơ

Một số học giả như Đào Duy Anh [3], Lê Văn Quán [7], Nguyễn Tài Cẩn [6] đều chia hình phù của chữ hình thanh thành hai loại: hình phù là chữ Hán và hình phù là bộ thủ Hán. Chúng tôi cho rằng cách chia này không hợp lý lắm, bởi không có ranh giới rõ ràng giữa bộ thủ Hán và chữ Hán, bộ thủ và chữ Hán có một phần trùng nhau, ví dụ bộ mộc 木, bộ sơn 山, bộ xa 车 cũng đồng thời là chữ mộc 木, chữ sơn 山, chữ xa 车...

Đào Duy Anh [3] có lẽ nhận thức được sự bất hợp lý trong cách phân loại này, nên ông giải thích rõ hơn về hai loại chữ hình thanh của mình: Loại thứ nhất có bộ thủ làm hình phù, bộ thủ chỉ nêu khái niệm về nghĩa mà không chỉ nghĩa cụ thể; Loại thứ hai lấy một chữ Hán làm hình phù, chữ Hán này ghi nghĩa cụ thể của chữ. Chúng tôi cho rằng, cách làm này không những không giải quyết được vấn đề quan hệ giữa bộ thủ và chữ Hán mà còn làm nảy sinh vấn đề mới, bởi bộ thủ không chỉ có tác dụng nêu khái niệm về nghĩa mà cũng có thể biểu thị chính xác nghĩa của chữ, ví dụ: 俾 người, 涸 nước, 崗 núi, 隄 con, 犏 bò, 膾 thán, 砑 đá... hình phù của chúng đều biểu thị chính xác nghĩa của chữ.

Nguyễn Thị Lâm [10] đi xa hơn khi cho rằng: “Nhu vậy, thành tố biểu thị ý nghĩa có thể là một bộ thủ nhưng cũng có thể là một chữ

Hán hoàn chỉnh, việc nhận định đó là bộ thủ hay chữ Hán là phải dựa vào khả năng biểu thị ý nghĩa xác chỉ hay không xác chỉ khi chúng tham gia cấu tạo chữ Nôm.” Chúng tôi không thể đồng ý với quan điểm này bởi chúng ta đang xem xét phân loại chữ Nôm hình thanh dựa vào hình phù của chúng là bộ thủ hay chữ Hán, giờ quay ngược lại căn cứ vào chức năng biểu thị nghĩa của hình phù trong chữ Nôm để phân biệt chúng là bộ thủ hay chữ Hán thì không hợp lý.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi cho rằng trong hai mặt ý nghĩa và hình dạng của hình phù, chỉ nên dựa vào một mặt để phân loại chữ Nôm hình thanh, đồng thời không sử dụng khái niệm bộ thủ khi phân loại chữ Nôm. Căn cứ vào hình dạng của hình phù có thể chia chữ Nôm hình thanh thành chữ hình thanh có hình phù là chữ Hán (𠵹 má, 隄 con, 𠵹 tay, 𠵹 ngòi) và chữ hình thanh có hình phù không phải là chữ Hán (𠵹 ghét, 葦 thom, 𠵹 gậy). Nếu căn cứ vào mặt ý nghĩa của hình phù, chúng ta có thể chia chữ Nôm hình thanh thành chữ hình thanh có nghĩa của hình phù trùng với nghĩa của chữ (𠵹 ba, 𠵹 vào, 𠵹 lưới, 𠵹 năm) và chữ hình thanh có nghĩa của hình phù liên quan đến nghĩa của chữ (𠵹 má, 𠵹 lá, 𠵹 cánh).

Có một số hình phù của chữ hình thanh dường như không liên quan gì đến nghĩa của chữ, ví dụ chữ “斯 gần” có thanh phù là “斤 cân” là điều dễ hiểu, song tại sao lại có hình phù là “貝 bóỉ”? “貝 bóỉ” vốn là vỏ sò, sau được dùng làm tiền, khi là hình phù thường biểu thị ý nghĩa liên quan đến tiền bạc, hàng hóa, của cải, nó không liên quan gì đến ý nghĩa “gần” của chữ. Vương Lực [4] đã phải thừa nhận rằng không hiểu tại sao “斯 gần” lại có hình phù là “貝 bóỉ”. Các học giả sau này đã chỉ ra rằng, chữ “斯 gần” sở dĩ có hình phù là “貝 bóỉ” bởi chữ này bị ảnh hưởng của chữ “賒

xa”. Chữ “賒 xa” là chữ Nôm mượn âm và ý (trong tiếng Hán chữ “賒” cũng biểu thị khoảng cách xa), “xa” và “gần” là một cặp từ trái nghĩa, chữ “斯 gần” bị ảnh hưởng của chữ “賒 xa” nên đã dùng “貝 bóỉ” làm hình phù. Với những chữ loại này, chúng ta cần phải tìm được những chữ có liên quan đến chúng mới có thể giải thích được phương pháp tạo chữ của chúng. Những chữ có liên quan đến chúng có thể là chữ biểu thị ý nghĩa trái ngược với chúng, chữ xuất hiện cùng với chúng trong từ láy, cũng có thể chỉ là chữ đã từng xuất hiện cùng với chúng ở đâu đó, dưới đây là một số ví dụ:

Chữ Nôm	Chữ ảnh hưởng	Nguyên nhân
懅 mơ	懅 màng	xuất hiện cùng trong từ láy “懅懅 mơ màng”
透 lũng	遯 lạ (邏)	xuất hiện cùng trong từ láy “遯透 lạ lũng”
凜 lũng	冷 lạnh	xuất hiện cùng trong từ láy “冷凜 lạ ungủng”
媼 nản	媼 nợ	xuất hiện cùng trong từ láy “媼媼 nợ nản”
薄 hái	菊 cúc	“薄 hái” xuất hiện cùng với chữ “菊” ở bài 31 trong Quốc âm thi tập

Có một số chữ Nôm hình thanh có hiện tượng thanh phù của chúng cũng kiêm biểu thị ý nghĩa của chữ, ví dụ: “禡 lạy” hình phù là “拜 báỉ”, thanh phù là “礼 lễ”; “𪔐 ngắn” hình phù là “短 đoản”, thanh phù là “半 bán”; “勸 khuyên” hình phù là “口 khẩu”, thanh phù là “勸 khuyên”. Tác dụng biểu nghĩa của những thanh phù này chỉ là phụ, nhiệm vụ chính của chúng vẫn là biểu âm. Các hình phù vẫn có tác dụng chính trong việc biểu nghĩa của chữ.

4. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi tổng kết, chỉ ra ưu khuyết điểm của các cách phân loại chữ

Nôm của những học giả đi trước, trên cơ sở đó đưa ra nguyên tắc và kết quả phân loại của mình. Chúng tôi chia chữ Nôm thành hai loại lớn là chữ Nôm mượn và chữ Nôm tự tạo. Chữ Nôm mượn được chia nhỏ thành chữ mượn âm và ý, chữ mượn âm, chữ mượn ý; Chữ Nôm tự tạo được chia thành chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh và chữ thanh thanh. Tiếp đó, chúng tôi chỉ ra những điểm cần chú ý khi phân loại chữ Nôm như: Cần phân biệt chữ Nôm tự tạo với chữ Nôm mượn, chữ dị thể với chữ chỉ sự, chữ Nôm giả tá và chữ Nôm thường. Đồng thời cũng cần phân biệt phương thức cấu tạo chữ thanh thanh của chữ Nôm và phương thức phiên thiết của chữ Hán. Cuối cùng, chúng tôi chỉ ra những điểm cần chú ý khi tiến hành phân loại

chữ Nôm ở cấp độ nhỏ hơn, đặc biệt là với chữ Nôm hình thanh.

Chữ Hán trong quá trình phát triển lâu dài của mình đã ảnh hưởng rất lớn đến chữ viết của các nước trong khu vực. Một số quốc gia và dân tộc đã tạo ra chữ viết riêng của mình dựa trên cơ sở của chữ Hán, chính vì vậy mà có các loại chữ như chữ Nôm Việt, chữ Nôm Tày, chữ viết của dân tộc Choang Trung Quốc...Giới nghiên cứu gọi những chữ viết này là “chữ viết hệ Hán tự”. Việc phân loại chữ Nôm có ý nghĩa tham khảo đối với việc phân loại các “chữ viết hệ Hán tự” khác.

Tài liệu tham khảo

[1] Văn Hựu, Bàn về cấu tạo của chữ Nôm và mối

quan hệ của chúng với chữ Hán, Yên kinh học báo, số 14 (1933) 201.

- [2] Chingho A. Chen, Hình thái và niên đại sáng chế chữ Nôm, Đại Học số 1 (1991) 81.
- [3] Đào Duy Anh, Chữ Nôm Nguồn gốc – cấu tạo – diễn biến, Nxb Khoa học Xã hội, 1975.
- [4] Vương Lực, Long trùng tịnh điều trai văn tập (tập 2), Trung hoa thư cục, 1982.
- [5] Nguyễn Ngọc San, Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm, Nxb Đại học Sư phạm, 2003.
- [6] Nguyễn Tài Cẩn, Một số vấn đề về chữ Nôm, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1985.
- [7] Lê Văn Quán, Nghiên cứu về chữ Nôm, Nxb Khoa học Xã hội, 1981.
- [8] Nguyễn Quang Hồng, Khái luận văn tự học Chữ Nôm, Nxb Giáo Dục, 2008.
- [9] Trần Trọng Dương, Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua các bản dịch Khóa hư lục, Nxb Từ điển Bách khoa, 2012.
- [10] Nguyễn Thị Lâm, Chữ Nôm và tiếng Việt qua văn bản Thiên nam ngữ lục, Nxb Khoa học Xã hội, 2006.

A Study on the Classification of Chữ Nôm and some Attention

Nguyễn Đình Hiền

*Department of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Chữ Nôm, a product of Vietnamese and Chinese cultural exchange, is of great value for the research of Chinese and Vietnamese languages. The classification of Chữ Nôm has always been discussed by researchers, but so far, there still exist some problems to be solved. This paper summarizes all kinds of previous classification, and points out their advantages also disadvantages. Based on this, the paper proposes a new classification, and some issues to pay attention to in classifying Chữ Nôm.

Keywords: Chữ Nôm, Chinese character, phonetic symbol, semantic symbol, loan words of Chữ Nôm, self-formed words of Chữ Nôm.